

# Thực trạng quản lý hoạt động thực hành nghề ở khoa Điện lạnh, Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II

Dương Thị Thanh Thanh\* Phạm Kim Tuấn\*\*

\* Trường Đại học Vinh, \*\* Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II

Received: 02/10/2024; Accepted: 12/10/2024; Published: 22/10/2024

**Abstract:** The article is the result of a study on the current status of management of vocational practice activities in the Faculty of Refrigeration, College of Technology II. The study identifies strengths and limitations, causes of the current situation, assesses factors affecting management effectiveness. The main findings show that although infrastructure and the quality of teaching staff significantly impact training quality, there are still challenges in setting clear goals and updating teaching methods to reflect actual needs. The research results are a practical basis for proposing measures to manage vocational practice activities in the Faculty of Refrigeration, College of Technology II, contributing to improving the quality of vocational education training in the current context.

**Keywords:** Vocational training, practical skills, vocational practice, vocational practice activities, vocational practice management

## 1. Đặt vấn đề

Trong đào tạo nghề, thực hành nghề là hoạt động không thể thiếu trong chương trình. Việc chú trọng hoạt động thực hành nghề cho học sinh, sinh viên (HS, SV) giúp người học gắn lý thuyết với thực tế, hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp. Quản lý tốt hoạt động thực hành nghề sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực kỹ thuật trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, tại khoa Điện lạnh, Trường Cao đẳng Kỹ nghệ (CĐ KN) II, thực trạng quản lý hoạt động thực hành nghề (QLHĐTHN) còn gặp khó khăn. Khoa đã cố gắng tăng cường QLHĐTHN, nhưng vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Nguyên nhân là do hệ thống quản lý hoạt động thực hành chưa hoàn thiện, chưa liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo.

Xuất phát từ những vấn đề trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực trạng QLHĐTHN ở khoa Điện lạnh, Trường Cao đẳng (CĐ) KN II nhằm làm rõ mặt mạnh, mặt hạn chế, nguyên nhân của thực trạng QLHĐTHN ở khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II, qua đó có cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLHĐTHN, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao.

## 2. Tổ chức khảo sát thực trạng

### 2.1. Mục đích khảo sát

Tiến hành khảo sát nhằm đánh giá thực trạng QLHĐTHN của HS, SV Khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II nhằm làm rõ điểm mạnh, điểm yếu, nguyên

nhân qua đó có cơ sở để xuất các biện pháp quản lý.

### 2.2. Nội dung khảo sát

- Thực trạng QLHĐTHN của HS, SV Khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II

- Thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố tới QLHĐTHN của HS, SV Khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II.

### 2.3. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát bao gồm 150 cán bộ quản lý, giáo viên và HS, SV Khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II.

### 2.4. Phương pháp khảo sát

Xây dựng phiếu khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên và HS, SV, tổ chức khảo sát tại Khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II.

Thu thập và nghiên cứu các sản phẩm hoạt động của cán bộ quản lý, giáo viên và HS, SV: Sản phẩm hoạt động của HS, SV bao gồm kế hoạch thực hành, báo cáo. Các sản phẩm hoạt động của cán bộ quản lý, giáo viên bao gồm chương trình thực hành, báo cáo kết quả hướng dẫn, phiếu đánh giá, liên quan đến nội dung khảo sát thực trạng của nghiên cứu.

### 2.5. Cách thức xử lý số liệu

Sau khi thu thập dữ liệu từ các phiếu điều tra ban đầu với các mức độ khác nhau cho từng tiêu chí, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê bằng phần mềm Excel để phân tích dữ liệu.

## 3. Thực trạng QLHĐTHN ở Khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II

### 3.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động thực hành nghề ở Khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II

*Bảng 3.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động thực hành nghề ở Khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II*

TT	Nội dung	$\bar{X}$	Thứ bậc
1	Xây dựng mục tiêu hoạt động thực hành nghề	3.2	2
2	Xây dựng nội dung hoạt động thực hành nghề	3.1	3
3	Dự kiến phân công cán bộ hướng dẫn hoạt động thực hành nghề	3.4	1
4	Dự kiến thời gian, địa điểm... tiến hành hoạt động thực hành nghề	3	4
5	Kế hoạch chuẩn bị cơ sở vật chất, hồ sơ, tài chính cho hoạt động thực hành nghề	2.9	5
6	Kế hoạch phối hợp các lực lượng thực hiện tổ chức hoạt động thực hành nghề	2.5	6

Dự kiến phân công cán bộ hướng dẫn xếp thứ bậc 1, với điểm trung bình  $\bar{X} = 3.4$  (max=4, min=1) cho thấy sự đánh giá cao tầm quan trọng của đội ngũ hướng dẫn trong việc trực tiếp tổ chức, hướng dẫn và điều chỉnh quá trình thực hành nghề.

Với điểm trung bình  $\bar{X} = 3.2$ , Xây dựng mục tiêu cho hoạt động thực hành nghề được đánh giá là một trong những thành phần cốt lõi, đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo chất lượng và tính nhất quán cho hoạt động thực hành nghề.

Việc xây dựng nội dung thực hành nghề  $\bar{X} = 3.1$ , thứ bậc ba. Nội dung thực hành được phát triển dựa trên mục tiêu đã xác lập và khả năng hướng dẫn của giảng viên. Nhờ tính linh hoạt, nội dung có thể được điều chỉnh để phù hợp với các điều kiện thực tế và yêu cầu cụ thể trong quá trình thực hiện.

Thời gian và địa điểm dự kiến để tiến hành hoạt động thực hành nghề ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tổ chức và quản lý. Được xếp thứ tư với  $\bar{X} = 3.0$ , yếu tố này đảm bảo cho sự liên tục và đồng nhất trong tổ chức hoạt động. Địa điểm và thời gian ổn định giúp các hoạt động diễn ra trôi chảy, tuy nhiên, việc xếp ở thứ bậc 4 cho thấy rằng yếu tố này có thể linh hoạt thay đổi để phù hợp với các điều kiện khác khi cần.

Kế hoạch cơ sở vật chất, hồ sơ, tài chính  $\bar{X} = 2.9$ , thứ bậc 5, đóng vai trò hỗ trợ nền tảng cho các hoạt động thực hành nghề. Mặc dù được đánh giá thấp hơn về độ ưu tiên, đây vẫn là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo các điều kiện vật chất cần thiết cho quá trình thực hành. Tuy nhiên, hiệu quả của cơ sở vật chất và tài chính sẽ bị hạn chế nếu không có sự đồng bộ từ đội ngũ hướng dẫn và nội dung đào tạo phù hợp.

Kế hoạch phối hợp các lực lượng thực hiện tổ chức hoạt động thực hành nghề  $\bar{X} = 2.5$ , thứ bậc 6, là yếu tố cần thiết để đảm bảo sự hợp tác giữa các đơn vị liên quan. Việc đánh giá chưa cao kế hoạch phối hợp các lực lượng thực hiện tổ chức thực hành nghề là điều cần quan tâm, bởi trong thực hành nghề phối hợp các lực lượng có ý nghĩa rất quan trọng giúp đạt hoạt động thực hành nghề của HS, SV đạt hiệu quả.

### 3.2. Thực trạng tổ chức hoạt động thực hành nghề ở khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II

*Bảng 3.2. Thực trạng tổ chức hoạt động thực hành nghề ở khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II*

TT	Nội dung	$\bar{X}$	Thứ bậc
1	Xây dựng các quy định về nhiệm vụ của ban chỉ đạo hoạt động thực hành nghề	2.8	5
2	Xây dựng các quy định về nhiệm vụ của trường nhóm hoạt động thực hành nghề	2.9	4
3	Xây dựng các quy định về nhiệm vụ của HS, SV thực hành nghề	3.3	1
4	Thành lập các nhóm, đoàn thực hành nghề	3.1	2
5	Tập huấn, phổ biến kế hoạch, quy chế hoạt động thực hành nghề tới các bộ phận thực hiện	3	3
6	Tổ chức tốt việc phối hợp các lực lượng tham gia triển khai hoạt động thực hành nghề	2.7	6

Việc xác định và quy định rõ ràng về nhiệm vụ của HS, SV là yếu tố quan trọng nhất, thể hiện qua điểm trung bình cao nhất  $\bar{X} = 3.3$  và xếp hạng đầu tiên. Đây là yếu tố then chốt, bởi việc các HS, SV hiểu rõ và tuân thủ nhiệm vụ sẽ giúp họ tích cực, chủ động hơn trong quá trình thực hành nghề. Với vai trò chính là người thực hiện, việc quy định nhiệm vụ cho HS, SV tạo nền tảng cho sự nhất quán và trách nhiệm trong công việc, từ đó giúp hoạt động thực hành đạt hiệu quả tối ưu. Điều này lý giải vì sao yếu tố này xếp thứ nhất.

Thành lập các nhóm, đoàn thực hành có điểm trung bình  $\bar{X} = 3.1$ , thứ bậc 2 cho thấy vai trò quan trọng của việc phân nhóm trong việc tạo ra sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả trong hoạt động thực hành. So với các yếu tố khác, thành lập nhóm, đoàn xếp hạng thứ hai, phản ánh tầm quan trọng của tổ chức nhóm trong việc tăng cường hiệu quả và tính liên kết của quá trình thực hành nghề.

Việc tập huấn, phổ biến kế hoạch và quy chế cho các bộ phận tham gia có điểm trung bình  $\bar{X} = 3.0$  cho thấy yếu tố này cần được chú trọng, nhưng không nhất thiết là yếu tố hàng đầu. Thứ bậc 3 cho thấy việc truyền đạt quy chế là cần thiết để đảm bảo tất cả các bên liên quan đều có định hướng rõ ràng. Tuy nhiên, yếu tố này có thể linh hoạt thay đổi tùy theo mức độ hiểu biết và kinh nghiệm của các thành viên.

Xây dựng các quy định về nhiệm vụ của trường nhóm hoạt động thực hành nghề, Xây dựng các quy định về nhiệm vụ của ban chỉ đạo hoạt động thực hành nghề, Tổ chức tốt việc phối hợp các lực lượng tham gia triển khai hoạt động thực hành nghề là các nội dung được đánh giá thấp hơn, với điểm trung bình lần lượt là 2.9, 2.8, 2.7, theo chúng tôi cần thiết quan tâm nhiều hơn tới các nội dung này.

Bảng phân tích cho thấy cách tiếp cận tổ chức thực hành nghề chú trọng vào việc quy định nhiệm vụ cho học sinh và thành lập các nhóm thực hành. Điều

này phản ánh một hệ thống tổ chức theo hướng tập trung vào người thực hiện, kết hợp với sự điều phối từ trường nhóm và ban chỉ đạo để đảm bảo tính kỷ luật và đồng bộ. Phân tích này cũng cho thấy vai trò hỗ trợ của việc phối hợp các lực lượng, nhằm tăng cường hiệu quả và đảm bảo mọi thành phần trong tổ chức thực hành đều hoạt động theo đúng mục tiêu chung.

### 3.3. Thực trạng chỉ đạo hoạt động thực hành nghề ở khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II

Bảng 3.3. Thực trạng chỉ đạo hoạt động thực hành nghề ở khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II

TT	Nội dung	$\bar{X}$	Thứ bậc
1	Chỉ đạo thực hiện nội dung thực hành nghề	2.9	2
2	Chỉ đạo thực hiện phương pháp và hình thức tổ chức thực hành nghề	2.8	3
3	Thực hiện các quyết định, quy định hướng dẫn thực hành nghề	3.2	1
4	Động viên và khích lệ các thành viên thường xuyên và kịp thời.	2.7	4
5	Theo dõi, giám sát các hoạt động của tổ chức trong quá trình thực hiện hoạt động thực hành nghề	2.6	5

Đứng ở vị trí cao nhất với  $\bar{X} = 3.2$ , việc thực hiện các quyết định và quy định là yếu tố then chốt trong tổ chức thực hành nghề. Điều này phản ánh vai trò của các quy định và quyết định trong việc tạo ra một khuôn khổ pháp lý và hướng dẫn rõ ràng cho các hoạt động. Đây là cơ sở giúp đảm bảo sự tuân thủ và thống nhất trong các hoạt động thực hành, giảm thiểu rủi ro và tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Chỉ đạo thực hiện nội dung thực hành nghề với  $\bar{X} = 2.9$ , xếp thứ hai, có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính thực tiễn và phù hợp của chương trình. Yếu tố này tập trung vào việc triển khai nội dung sao cho đáp ứng đúng mục tiêu và yêu cầu của chương trình thực hành nghề. Sự chỉ đạo này giúp các HS, SV hiểu rõ hơn về công việc thực tế, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo.

Chỉ đạo phương pháp và hình thức tổ chức thực hành nghề với  $\bar{X} = 2.8$  được đánh giá là yếu tố ưu tiên thứ ba. Phương pháp và hình thức tổ chức phù hợp giúp cho việc học tập và thực hành diễn ra hiệu quả, nâng cao kỹ năng thực tế cho học viên. Đây là yếu tố mang tính linh hoạt, đòi hỏi sự đổi mới liên tục để đáp ứng các thay đổi trong ngành nghề và nhu cầu của thị trường lao động.

Phân tích trên cho thấy các yếu tố thực hiện các quyết định, chỉ đạo nội dung và phương pháp, đóng vai trò quyết định trong sự thành công của hoạt động thực hành nghề. Động viên, khích lệ và giám sát là các yếu tố hỗ trợ, giúp đảm bảo hiệu quả thực hiện và tạo ra một môi trường học tập tích cực.

### 3.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động thực

### hành nghề ở khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II

Kết quả khảo sát cho thấy công tác kiểm tra và đánh giá hoạt động thực hành nghề ở khoa Điện lạnh có mức độ thực hiện với điểm cao nhất là đảm bảo đủ nội dung thực hành với  $\bar{X} = 2.3$ . Tuy nhiên, các tiêu chí về tính khách quan, công khai, và chính xác trong đánh giá chưa cao điểm trung bình lần lượt là 2.1 và 2.2. Đánh giá tính khách quan trên trung bình một phần do không có sự tham gia của chuyên gia doanh nghiệp, dẫn đến HS, SV có thể đạt điểm tốt nhưng chưa đáp ứng tốt các yêu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Các yếu tố kiểm tra và đánh giá trong hoạt động thực hành nghề không chỉ nhằm đảm bảo chất lượng và tính toàn diện của chương trình đào tạo mà còn góp phần nâng cao sự khách quan và công bằng trong môi trường giáo dục nghề nghiệp. Phân tích này cho thấy kiểm tra nội dung thực hành nghề là yếu tố nền tảng, trong khi sự khách quan, khoa học và tính chính xác đóng vai trò hỗ trợ, hoàn thiện quá trình đánh giá.

### 3.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến QLHĐTHN ở khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II

Kết quả khảo sát cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến QLHĐTHN ở khoa Điện lạnh có mức độ tác động khá cao. Yếu tố “Chất lượng đội ngũ giáo viên” được đánh giá cao nhất với điểm trung bình 3.760, nhấn mạnh vai trò quan trọng của giáo viên trong giảng dạy thực hành. Tiếp theo là yếu tố “Cơ sở vật chất, thiết bị thực hành” với điểm trung bình 3.7, cho thấy nhu cầu đầu tư vào thiết bị hỗ trợ giảng dạy. Yếu tố “Ý thức, thái độ học thực hành của HS, SV” điểm trung bình 3.2 và “Chương trình đào tạo” điểm trung bình 3.1 cũng có tác động đáng kể, nhưng thấp hơn. Tất cả các yếu tố được xem xét đều có ảnh hưởng nhất định đến quản lý thực hành, cho thấy sự cần thiết phải cải thiện đồng bộ nhằm tối ưu hóa hiệu quả đào tạo.

Tóm lại, thông qua quá trình phân tích chi tiết thực trạng QLHĐTHN ở khoa Điện lạnh, Trường CĐ KN II, nghiên cứu đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, và nguyên nhân của điểm yếu trong quản lý hoạt động thực hành trong các khâu quản lý: xây dựng kế hoạch hoạt động thực hành nghề, tổ chức hoạt động thực hành nghề, chỉ đạo đổi mới hoạt động thực hành nghề, kiểm tra, đánh giá hoạt động thực hành nghề. Đồng thời cũng cho thấy trong QLHĐTHN chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó những yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất đó là chất lượng đội ngũ giảng dạy thực hành nghề, cơ sở vật chất, thiết bị thực hành. Trong quá trình triển khai các giải pháp QLHĐTHN, cần lưu ý đến tác động của các yếu tố này.

(Xem tiếp trang 373)